

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày: 26-5-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Khuất Thị Thanh

2. Ông Hứa Văn Ché

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Minh Khuê - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2022/TLST-KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 18/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-KDTM, ngày 17/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty X. Địa chỉ: Tổ 18, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn B; chức vụ: Phụ trách phòng Kế toán tài chính Công ty X, theo giấy ủy quyền số 580/PLXHG-TCHC ngày 14/11/2022 của Giám đốc Công ty X. *Có mặt.*

- Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại V. Địa chỉ: Khu 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T; chức vụ: Giám đốc công ty. *Vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2022; Bản tự khai ngày 26/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Trên cơ sở nhu cầu của Doanh nghiệp tư nhân V (Nay đổi tên là Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại V - sau đây gọi tắt là Công ty V) về việc mở

đại lý kinh doanh hàng hóa gồm xăng RON92, Diesel các loại và Dầu mỡ nhờn các loại, sau khi lãnh đạo của hai Công ty đã thống nhất phương thức cung ứng hàng hóa nêu trên, vào ngày 08/5/2015 tại Văn phòng Công ty X đại diện lãnh đạo Công ty X và ông Lê Văn T - Giám đốc Công ty V đã ký kết hợp đồng nhượng quyền thương mại số 01/2015/PLXHGHĐNQ. Theo đó sau khi ký kết hợp đồng xong, Công ty X đã nhiều lần giao hàng cho bên Công ty V, các lần giao hàng đều giao đúng chủng loại hàng hóa như đã cam kết. Bên mua hàng đã thanh toán tiền hàng cho Công ty X. Tuy nhiên tính đến ngày 12/7/2021 Công ty V còn nợ lại Công ty X số tiền 191.925.538đ, do số tiền nợ lại đã quá lâu và Công ty X đã nhiều lần liên lạc đôn đốc lãnh đạo Công ty V trả nợ. Sau khi thực hiện đối chiếu công nợ Công ty V xác nhận và hẹn ngày trả nợ nhưng không thực hiện nên Công ty X phải khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết. Từ khi có đơn khởi kiện đến nay Công ty V đã hai lần chuyển trả cho Công ty X với tổng số tiền là 130.000.000đ. Nay Công ty X đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty V phải trả cho Công ty X toàn bộ số tiền hàng còn nợ lại là 61.925.538đ (*Sáu mươi một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi tám đồng*).

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty V phải có trách nhiệm trả cho Công ty X toàn bộ số tiền còn nợ là 61.925.538đ (*Sáu mươi một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi tám đồng*) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ khi bản án có hiệu lực mà Công ty V không trả nợ.

* Người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, do đó không đưa ra được ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến của đại diện VKSND thành phố H:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 430, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ do đó đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc Công ty V phải trả cho Công ty X toàn bộ số tiền còn nợ là 61.925.538đ (*Sáu mươi một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi tám đồng*) và khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn nợ do chậm thi hành án cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc trên.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn Công ty V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Công ty X khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo hợp đồng nhượng quyền thương mại số 01/2015/PLXHG-HĐNQ ngày 08/5/2015 đối với bị đơn Công ty V, việc giao kết hợp đồng giữa hai bên được thực hiện tại Công ty X có địa chỉ tại tổ 18 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay bị đơn đều đã được Tòa án gửi thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày quan điểm ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Do đó HĐXX áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Theo hợp đồng ký kết giữa hai bên, Công ty X cung cấp hàng cho Công ty V tiến hành công việc kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Theo đó Công ty X cung cấp và cho phép Công ty V được quyền sử dụng nhãn hiệu của Công ty X tại hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu của mình. Bên cạnh đó theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty X và thư đề nghị ký kết hợp đồng nhượng quyền thương mại ngày 06/5/2015 của Công ty V đã xác định hai bên đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh và việc giao kết hợp đồng giữa hai bên nhằm mục đích lợi nhuận. Như vậy, xác định tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (*Tranh chấp kinh doanh thương mại*) được quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền hàng còn nợ là 61.925.538đ (*Sáu mươi một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi tám đồng*). Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Biên bản làm việc, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/12/2019, hai bên đều thừa nhận số tiền Công ty V còn nợ Công ty X tính đến ngày 18/12/2019 là 261.925.538đ. Theo các biên đối chiếu công nợ, tính đến thời điểm khởi kiện Công ty V còn nợ 191.925.538đ, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Công ty V đã thanh toán cho

Công ty X 02 lần vào các ngày 02/12/2022 (trả 100.000.000đ), ngày 03/3/2023 (trả 30.000.000đ) theo sổ chi tiết công nợ phải thu của Công ty X có xác nhận của kế toán trưởng và đóng dấu của Công ty X ngày 18/4/2023, như vậy số tiền còn nợ lại là 61.925.538đ (*Sáu mươi một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi tám đồng*).

[5] Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty X là có căn cứ, cần buộc Công ty V phải có trách nhiệm trả cho Công ty X toàn bộ số tiền hàng còn nợ là 61.925.538đ (*Sáu mươi một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi tám đồng*).

[6] Về thời điểm trả nợ: Theo biên bản làm việc giữa hai bên ngày 18/12/2019 thì thỏa thuận thời điểm trả nợ được thực hiện trước ngày 31/3/2020 nhưng Công ty V đã không thực hiện việc trả nợ, vi phạm cam kết nên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có nghĩa vụ trả nợ phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc cho Công ty X. Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì người có nghĩa vụ trả nợ phải chịu lãi suất chậm thi hành án.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên toà là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Công ty V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016*).

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

1. Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại V phải chịu trách nhiệm trả cho Công ty X tổng số tiền còn nợ là 61.925.538đ (*Sáu mươi một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi tám đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại V phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 3.096.000đ (*Ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Trả lại cho Công ty X số tiền 4.800.000đ (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp (*ông Đinh Đức T nộp thay*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0000801 ngày 24/11/2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSNDTPHG;
- Các đương sự;
- C.C THATPHG;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Mỹ Lệ